

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2025/HS-ST**

Ngày: 23/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thu Hà.

Bà Phạm Thị Thanh Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2025/ TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Từ Phạm Hải B (bị cáo khai tên gọi khác: Lũ, Lũ Sừng); Sinh ngày: 29/11/1987; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 422 đường PVC, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 422 đường PVC, phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 150/4 đường PĐ, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 150/4 đường PĐ, phường PĐ, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Từ Diệu T và bà: Phạm Thị Thu H; Có vợ: Là bà Hoàng Thị Kim N (không đăng ký kết hôn) và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2023.

Nhân thân:

- Ngày 16/01/2007, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 09/2007/HSST). Bị cáo kháng cáo và ngày 07/6/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 275/2007/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2009 và đã thi hành xong án phí ngày 10/8/2016 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 296/GCN của Trại tạm giam Chí Hòa và Công văn trả lời xác minh số:

1842/CCTHADS ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 19/3/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 28/2020/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2021 và đã thi hành xong án phí ngày 22/6/2020 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 21/2021/GCN của Cơ quan thi hành án hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn trả lời xác minh số: 1583/CCTHADS ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Lê Văn M**; Sinh ngày: 25/11/1995; Tại: Thành phố Hải Phòng; Hộ khẩu thường trú: 10/21/355 đường CH, phường DHK, quận LC, Thành phố Hải Phòng (nay là 10/21/355 đường CH, phường LC, Thành phố Hải Phòng); Chỗ ở: 122 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 122 đường THĐ, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Thiết H1 và bà: Nguyễn Thị Lê H2; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2023.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Bà Vương Ngọc P; Sinh năm: 1990; Thường trú: 1051 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 1051 đường HG, phường BP, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 424/9/11 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 424/9/11 đường NVL, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

2. Ông Vương T1; Sinh năm: 1959; Thường trú: 336/43/44 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 336/43/44 đường NVL, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: Ấp 1, xã AT, huyện BL, tỉnh Long An (nay là ấp 1, xã BL, Thành phố Tây Ninh).

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Hoàng Thị Kim N; Sinh năm: 1978; Thường trú: 21/31 đường CVA, phường LL, quận NQ, Thành phố Hải Phòng (nay là 21/31 đường CVA, phường GV, Thành phố Hải Phòng); Chỗ ở: 150/4 đường BPĐ, phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 150/4 đường BPĐ, phường PĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Thùy D; Sinh năm: 1986; Thường trú: 426/9/1 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 426/9/1 đường NVL, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 161/1/96A đường HT, Phường N,

Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 161/1/96A đường HT, phường PĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Ngọc N1 (Mỹ); Sinh năm: 1962; Thường trú: 724/35 đường ĐBP, Phường J, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 724/35 đường ĐBP, phường VL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 110 Cư xá ĐS, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 110 Cư xá ĐS, phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Yến T2; Sinh năm: 1991; Thường trú: 47 đường NTN, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 47 đường NTN, phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 120/5 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 120/5 đường THĐ, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thùy L; Sinh năm: 2000; Thường trú: 21/31 đường CVA, phường LL, quận NQ, Thành phố Hải Phòng (nay là 21/31 đường CVA, phường GV, Thành phố Hải Phòng); Chỗ ở: 150/4 đường BPĐ, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 150/4 đường BPĐ, phường PĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị C; Sinh năm: 1957; Trú tại: 570 đường HB, Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 570 đường HB, phường MP, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

7. Bà Lê Thị Thanh T3 (Gái); Sinh năm: 1966; Thường trú: 06 đường PXL, Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 06 đường PXL, phường MP, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: Phòng trọ số 184/2/17/10 đường BS, Phường A (cũ là Phường D), Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng trọ số 184/2/17/10 đường BS, phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

8. Bà Mai Thị Thanh N2; Sinh năm: 1970; Thường trú: 119B/47 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 119B/47 đường THĐ, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: C02.08 Chung cư 243 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C02.08 Chung cư 243 đường THĐ, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị Thu T4; Sinh năm: 1990; Thường trú: 541/22/4 đường TL10, phường BTĐB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 541/22/4 đường TL10, phường AL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 45/22B đường LK16-18, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 45/22B đường LK16-18, phường BTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

10. Ông Hỷ Nhục C1; Sinh năm: 1991; Thường trú: 119B/47 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 119B/47 đường THĐ, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Ở: C02.08 Chung cư 243 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C02.08 Chung cư 243 đường THĐ, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Hương L1; Sinh năm: 1987; Thường trú: Ấp NQ, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp NQ, xã ĐT, tỉnh An Giang); Ở: 541/1/2 đường TL10, phường BTĐB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 541/1/2 đường TL10, phường AL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2023 thông qua sự giới thiệu của Huỳnh Thị Thùy D, bà Vương Ngọc P đến gặp Từ Phạm Hải B và Hoàng Thị Kim N (vợ của B) tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F để vay số tiền 3.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, bà P sẽ trả góp mỗi ngày 150.000 đồng trong thời hạn 25 ngày (thông qua tài khoản ứng dụng Momo, đăng ký bằng số điện thoại 0902611214 của Từ Phạm Hải B). Khi nhận tiền, bà P phải nộp lại số tiền 150.000 đồng để trả góp ngày đầu tiên và 300.000 đồng chi phí đi lại của B, N để thu tiền trả góp của bà P, do đó số tiền thực tế bà P nhận được khi vay của B, N là 2.550.000 đồng. Ngày 21/3/2023, sau khi trả góp được 11 ngày (tổng cộng là 1.650.000 đồng), bà P nhờ D bảo lãnh cho bà vay tiếp số tiền 3.000.000 đồng nhằm đáo hạn khoản vay ngày 10/3/2023. Sau khi thỏa thuận, B đồng ý cho bà P vay thêm 3.000.000 đồng nhưng chỉ đưa cho Pg 600.000 đồng sau khi trừ đi số tiền góp còn thiếu trong 14 ngày của khoản vay trước là 2.100.000 đồng và 300.000 đồng tiền góp của 02 ngày đầu tiên. Đến ngày 25/3/2023, bà P trả góp cho B được 04 ngày (tổng cộng 600.000 đồng) thì không còn khả năng thanh toán nên điện thoại xin B cho khát nợ khoảng 01 tuần nhưng B không đồng ý và đe dọa khiến P hoảng sợ, rồi bỏ trốn đến ở nhờ nhà của bạn là ông Nguyễn Đức N3 tại địa chỉ 995/56/12 đường HB, Phường L, Quận F để tránh mặt, nên B yêu cầu D (là người bảo lãnh) phải đi tìm bà P trả nợ cho B. Đến 16 giờ ngày 30/3/2023, Từ Phạm Hải B, Lê Văn M (người làm công cho B) và Huỳnh Thị Thùy D phát hiện bà P đang ở nhà của ông N3 tại địa chỉ trên nên gọi bà P ra ngoài nói chuyện. Tại đây, B lên tiếng chửi và định dùng tay đánh bà P thì được D can ngăn. Sau đó, B và M ép bà P ngồi lên xe gắn máy biển số 59U2-500.43 (nhãn hiệu Honda SH màu trắng) để B điều khiển chở bà P và M (bà P ngồi giữa B và M) về nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F. Khi đến nơi, B kêu bà P đi vào trong nhà, rồi yêu cầu bà P liên lạc kêu gia đình đến trả số tiền 3.000.000 đồng thì mới cho bà P rời khỏi nhà. Đến 19 giờ cùng

ngày, Công an Phường 14, Quận 6 kiểm tra hành chính nhà của B. Thấy Công an, bà P bỏ chạy ra ngoài và được D chở đến Công an Phường 14, Quận 6 trình báo.

Ngày 31/3/2023, bà P đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh tố giác hành vi cho vay lãi nặng và bắt, giữ người trái pháp luật của Từ Phạm Hải B.

Đến 22 giờ 40 phút ngày 10/6/2023, tổ công tác thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh trên tuần tra đến trước nhà số 52A đường THĐ, Phường N, Quận F thì phát hiện Từ Phạm Hải B có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện trong ứng dụng Zalo trên chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 Plus của B chứa các tin nhắn có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên đã đưa B về trụ sở Công an Phường 14, Quận 6 giải quyết.

Ngày 11/6/2023, tiến hành khám xét nơi ở của Từ Phạm Hải B tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F, Công an Quận 6 thu giữ 01 quyển tập học sinh hiệu ABC bên trong ghi tên những người vay tiền của B và số tiền những người này phải trả hàng ngày; 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu hồng; 02 cây dao lưỡi bằng kim loại dài 46 cm; 01 thanh gỗ hình trụ màu đen dài 63cm, đường kính 2,5cm; 01 thanh kim loại hình trụ dài 79cm, đường kính 2,5cm; 01 thanh kim loại hình trụ dài 82cm, đường kính 2,5cm.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Từ Phạm Hải B, Lê Văn M khai: Khi phát hiện bà Vương Ngọc P tại nhà số 995/56/12 đường HB, Phường L, Quận F, Từ Phạm Hải B, Lê Văn M đã có hành vi lớn tiếng chửi, đe dọa, bắt ép bà P lên xe gắn máy biển số 59U2-500.43 đưa về giữ tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 19 giờ ngày 30/3/2023 để đòi nợ. Tại nhà số 122 đường THĐ, B kêu bà P ngồi dưới sàn nhà, rồi lớn tiếng chửi và dùng lời lẽ đe dọa sẽ bán bà P ra nước ngoài nếu bà P không trả nợ. Còn M ngồi bên ngoài canh giữ. Sau đó, B ra lấy điện thoại của M đưa cho bà P, buộc bà P phải gọi về nhà nhờ gia đình trả nợ. Trong lúc bà P gọi cho ông Vương T1 (cha của bà P), B đã lớn tiếng đe dọa bà P làm ông T1 lo sợ phải trả cho B 3.000.000 đồng là số tiền bà P còn thiếu B.

Ngoài ra, Từ Phạm Hải B, Hoàng Thị Kim N, Lê Văn M còn khai nhận B bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng từ khoảng đầu năm 2022, còn N và M mới tham gia giúp sức cho B trong việc cho vay và thu hồi nợ từ khoảng tháng 2 và tháng 3/2023. Cụ thể: Những người có nhu cầu vay tiền sẽ trực tiếp đến gặp B tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F để thỏa thuận mức vay trong khoảng từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với lãi suất 30,41%/tháng (365%/năm), người vay tiền phải đưa bản chính Căn cước công dân cho B giữ đến khi trả hết nợ hoặc sau khi đóng tiền góp được vài ngày (nếu người vay tiền có người quen giới thiệu thì B chỉ giữ bản photo Căn cước công dân của người vay và yêu cầu người giới thiệu phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền vay nếu người vay không trả đủ tiền). Với từng mức tiền vay, B yêu cầu người vay tiền phải trả góp trong

thời hạn 25 ngày với số tiền phải góp mỗi ngày bằng 05% trên tổng số tiền vay. Khi nhận tiền vay, B sẽ giữ lại số tiền góp tương ứng của ngày đầu tiên và khoản phí dịch vụ bằng 10% trên tổng số tiền vay (đối với các khoản vay từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng) hoặc 05% trên tổng số tiền vay (đối với các khoản vay từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng), nên số tiền người vay nhận được trên thực tế thường chỉ từ 85% đến 90% trên số tiền muốn vay. Trường hợp người vay chưa trả hết số tiền vay nhưng có nhu cầu vay một khoản mới, B sẽ trừ số tiền còn chưa góp đủ của khoản vay trước vào khoản vay sau và tính lại từ đầu đối với việc trả góp của khoản vay sau. Bên cạnh đó, nếu người vay góp trễ 02 ngày thì B sẽ hủy bỏ số tiền góp đã đóng và buộc người vay đóng tiền góp lại từ đầu nếu người này thường xuyên đóng trễ. Việc thu hồi nợ thường sẽ do người vay tiền đến nhà (địa chỉ 122 đường THĐ, Phường N, Quận F) đóng cho B và N. Ngoài ra, B cũng sẽ tự mình hoặc kêu M đi thu tiền trả góp của người vay nếu người vay hẹn ở địa điểm khác, có một số trường hợp người vay tiền sẽ chuyển tiền trả góp vào tài khoản ứng dụng Momo của B. Quá trình hoạt động cho vay, N chỉ tham gia giúp B thu hồi nợ và tính tiền lãi. Còn M được B thuê đi thu hồi nợ và được trả công mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định ngoài trường hợp Vương Ngọc P, nhóm của B còn thực hiện các vụ cho vay cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đầu tháng 3/2023, bà Nguyễn Thị C vay của B số tiền 3.000.000 đồng và trả góp trong thời hạn 25 ngày. Sau khi góp được 14 ngày với tổng số tiền 2.100.000 đồng, bà C tiếp tục vay của B 4.000.000 đồng nhưng trên thực tế chỉ nhận được 2.200.000 đồng do B trừ đi số tiền góp còn thiếu của khoản nợ trước cùng với phí dịch vụ. Với khoản vay này, bà C đã trả góp được 30 ngày với tổng số tiền 4.400.000 đồng thì không còn khả năng thanh toán. Ngày 03/6/2023, B và N đến nhà của bà C, địa chỉ 570 đường HB, Phường P, Quận K đòi nợ. Tại đây, N chửi mắng và dùng nón bảo hiểm đánh vào vùng đầu của bà C (không gây thương tích), rồi cùng B đi về nhà. Tổng số tiền mà B, N thu lợi bất chính từ việc cho bà C vay là 1.638.219 đồng.

Vụ thứ hai: Tháng 3/2023, bà Mai Thị Thanh N2 vay của B số tiền 5.000.000 đồng và trả góp trong thời hạn 25 ngày. Sau khi trả góp được 09 ngày với tổng số tiền 2.250.000 đồng, N2 không còn khả năng thanh toán. Ngày 31/3/2023, B và N dẫn theo một số đối tượng (không rõ lai lịch) đến nhà của bà N2, địa chỉ C02.08 chung cư số 243 đường THĐ, Phường N, Quận F gây sức ép buộc gia đình bà N2 trả nợ. Tổng số tiền mà B, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N2 vay là 675.342 đồng.

Vụ thứ ba: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2022 đến ngày 26/01/2023, B và N cho bà Nguyễn Thị Thu T4 vay 05 lần với tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Sau khi trừ phí dịch vụ và tiền góp còn thiếu sau mỗi lần vay, bà T4 chỉ nhận tổng số tiền thực tế của tất cả các khoản vay là 11.150.000 đồng. Sau khi đã thanh toán cho B và N được 15.550.000 đồng, bà T4 không còn khả năng

thanh toán. Ngày 18/3/2023, N cùng một số đối tượng (không rõ lai lịch) đến nhà bà T4, địa chỉ 541/10A đường TL10, phường BTĐB, quận BT chửi mắng, đe dọa bà T4, rồi bỏ đi. Tổng số tiền mà B, N thu lợi bất chính từ việc cho bà T4 vay là 6.468.356 đồng.

Vụ thứ tư: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2023, B và N đã cho bà Lê Thị Thanh T3 vay 07 lần với tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Đến tháng 4/2023, bà T3 đã thanh toán hết các khoản vay trên cho B và N. Tổng số tiền mà B, N thu lợi bất chính từ việc cho bà T3 vay là 7.062.329 đồng. Ngoài ra, khoảng đầu năm 2023, bà T3 có giới thiệu cho một người tên Gái (không rõ lai lịch) vay 3.000.000 đồng của B và N nhưng do người này chỉ góp được vài ngày rồi bỏ trốn, nên B và N đã ép bà T3 phải thanh toán thay với số tiền lãi 50.000 đồng/ngày. Sau khi góp được khoảng 01 tháng, bà T3 bỏ trốn. Đến khoảng 19 giờ ngày 24/5/2023, bà T3 đang ở quán nước tại khu vực đường NNT, Phường M, Quận F thì B, N, M đến gặp đòi nợ. Tại đây, N đã dùng tay tát vào mặt của bà T3 02 cái và gây sức ép buộc bà T3 phải tiếp tục trả nợ thay cho bà Gái. Lúc này, được sự bảo lãnh của hai người bạn của bà T3 là L2 và P1 (không rõ lai lịch), N đồng ý để bà T3 tiếp tục góp tiền vốn và lãi là 500.000 đồng/tháng.

Vụ thứ năm: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2023, B và N cho bà Lê Thị Ngọc N1 vay 05 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Sau khi trừ đi phí dịch vụ và tiền trả góp còn thiếu sau mỗi lần vay, bà N1 chỉ nhận tổng số tiền thực tế của tất cả các khoản vay là 10.600.000 đồng. Sau khi thanh toán cho B và N 14.100.000 đồng, bà N1 không còn khả năng trả góp, nên B liên tục gọi điện chửi mắng, đe dọa và phạt bà N1 phải trả góp thêm 2.000.000 đồng, nhưng bà N1 không đồng ý. Tổng số tiền mà B, N đã thu lợi bất chính từ việc cho bà N1 vay là 5.786.301 đồng. Ngoài ra, ngày 24/02/2023 bà N1 dọn đồ trả phòng trọ, địa chỉ 120/7C đường THĐ, Phường N, Quận F và có nhờ bà Nguyễn Thị Yến T2 giữ giùm 01 tủ nhựa 05 ngăn đựng quần áo hiệu ĐDD. Từ Phạm Hải B phát hiện nên nói bà T2 giao chiếc tủ cho B giữ để B trừ vào số tiền bà N1 còn nợ của B. Sau đó, bà N1 có đến gặp B để xin lại chiếc tủ thì xảy ra gây gổ về số tiền nợ. Trong lúc gây gổ, B dùng quyền tập đánh vào mặt của bà N1 (không gây thương tích). Sau khi bị đánh, bà N1 đã bỏ về.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 105/KL-HĐDGTS ngày 08 tháng 11 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của 01 chiếc tủ nhựa 05 ngăn, hiệu ĐDD, màu trắng xanh, kích thước 110x56x46cm (tình trạng sử dụng còn khoảng 50%) tại thời điểm tháng 02/2023 là: 400.000 đồng.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 quyết định trưng cầu giám định 02 dụng cụ có cán bằng gỗ, lưỡi sắc, nhọn bằng kim loại, có cùng chiều dài 463 mm (ký hiệu số 1, số 2); 01 cây gỗ tròn màu đen có chiều dài khoảng 641mm, đường kính khoảng 27mm (ký hiệu số 3); 01 ống kim loại hình trụ tròn có chiều dài khoảng 790mm, đường kính 26mm (ký hiệu số 4); 01 ống

kim loại hình trụ tròn có chiều dài khoảng 825mm, đường kính khoảng 26mm (ký hiệu số 5), để xác định có phải là vũ khí hoặc công cụ hỗ trợ không ? (Quyết định số: 432/QĐ-ĐCSHS).

Và tại Kết luận giám định số: 8241/KLGD-TT ngày 31 tháng 8 năm 2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Đối tượng gửi giám định ký hiệu từ số 1 đến số 5 không phải vũ khí quân dụng.

2. Đối tượng gửi giám định ký hiệu số 1, số 2 còn sử dụng được, không xác định được nguồn gốc xuất xứ, có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thô sơ.

3. Đối tượng gửi giám định ký hiệu từ số 3 đến số 5 còn sử dụng được, không xác định được nguồn gốc xuất xứ, không thuộc nhóm vũ khí nêu trong Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 633-01/QĐ-CSHS-Đ8); khởi tố bị can đối với Từ Phạm Hải B, Lê Văn M về tội «Giữ người trái pháp luật» (Quyết định số: 11122-50/QĐ-PC02-Đ8 và số: 1113-50/QĐ-PC02-Đ8).

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 87/QĐ-ĐCSHS); Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Từ Phạm Hải B về tội «Bắt người trái pháp luật» và tội «Cuồng đoạt tài sản» (Quyết định số: 88/QĐ-ĐCSHS); Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn M về tội «Bắt người trái pháp luật» (Quyết định số: 89/QĐ-ĐCSHS).

Đối với hành vi cho vay, quá trình điều tra xác định các bà Vương Ngọc P, Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Thanh T3, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Thu T4, Mai Thị Thanh N2 vay tiền với lãi suất 365%/ năm. Tuy nhiên, Từ Phạm Hải B, Hoàng Thị Kim N, Lê Văn M chỉ thu lợi bất chính 23.052.877 đồng. Còn đối với những người vay khác, do chưa xác định được lai lịch nên không có cơ sở xác định tổng số tiền thu lợi bất chính của B. Đồng thời, kết quả xác minh thể hiện B, N, M chưa bị xử phạt vi phạm hành chính cũng như chưa bị kết án về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» nên hành vi của B, N, M không cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với hành vi cất giữ 02 cây dao có lưỡi bằng kim loại có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ, 01 thanh gỗ hình trụ màu đen và 02 thanh kim loại hình trụ. Kết quả xác minh lý lịch thể hiện Từ Phạm Hải B chưa bị xử phạt vi phạm hành chính cũng như chưa bị kết án về tội «Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ» nên không cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 24/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng đối với Từ Phạm Hải B về hành vi

cho vay tiền không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (buộc nộp lại khoản thu lợi bất hợp pháp là 23.150.408 đồng) và 15.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép các loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ, đồng thời tịch thu các tang vật liên quan (Quyết định số: 1770/QĐ-XPHC).

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKS-Q6 ngày 13 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Từ Phạm Hải B về tội «Bắt, giữ người trái pháp luật» và tội «Cưỡng đoạt tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Lê Văn M về tội «Bắt, giữ người trái pháp luật» theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi dùng xe gắn máy biển số 59U2-500.43 (nhãn hiệu Honda SH màu trắng) bắt, ép đưa bà Vương Ngọc P từ nhà số 995/56/12 đường HB, Phường L, Quận F về giữ tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 19 giờ ngày 30/3/2023 để đòi nợ như nội dung bản cáo trạng nêu. Ngoài ra, B khai tại nhà số 122 đường THĐ, B lớn tiếng chửi và dùng lời lẽ đe dọa sẽ bán bà P ra nước ngoài. Sau đó, B lấy chiếc điện thoại di động của M đưa cho bà P, đồng thời yêu cầu bà P phải gọi cho ông Vương T1 (cha của bà P) để B nói chuyện và B đã buộc ông T1 phải trả nợ thay cho bà P, nếu không B sẽ bán bà P ra nước ngoài, làm ông T1 lo sợ phải trả cho B 3.000.000 đồng là số tiền bà P còn nợ B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Từ Phạm Hải B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội «Bắt, giữ người trái pháp luật» và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Cưỡng đoạt tài sản» theo khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025.

Phạt bị cáo Lê Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Bắt, giữ người trái pháp luật» theo khoản 1 Điều 157; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025.

Về bồi thường thiệt hại: Các ông, bà Vương Ngọc P, Vương T1 không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 Plus, số máy: SM-G965F/DS, số seri: R39K205BA4, số Imei: 353511090255943 (thu giữ của bị cáo Từ Phạm Hải B); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XsMax 64Gb, số máy: MT6T2J/A, số seri: F2LXL555KPHQ, số Imei: 357305091555658 (thu giữ của bị cáo Lê Văn M); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng (thu giữ của bà Hoàng Thị Kim N).

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 8401210850987568 (số thuê bao 0902611214); 01 sim điện thoại số 8401220624049651 (số thuê bao 0788391102); 01 sim điện thoại số 8401210833635626 (số thuê bao 0772627082).

Trả lại bà Nguyễn Thị Thùy L 01 máy laptop hiệu Asus màu hồng và 01 (một) cục sạc.

Trả lại bà Lê Thị Ngọc N1 01 tủ nhựa năm ngăn hiệu ĐDD màu trắng xanh, chiều cao 110cm, chiều rộng 46cm.

Đối với 01 USB (chứa các file ghi âm có nội dung đe dọa, chửi bới vì không trả nợ theo thỏa thuận) do bà Nguyễn Thị Thu T4 cung cấp và 01 USB (chứa các file dữ liệu ghi lại hình ảnh Từ Phạm Hải B, Lê Văn M bắt giữ bà Vương Ngọc P tại trước nhà số 995/56/12 đường HB, Phường L, Quận F) do bà Vương Ngọc P cung cấp, đều đã được niêm phong, bên ngoài có hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL693), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng hình sự).

[3] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera; Thực nghiệm điều tra ngày 17/01/2025 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); lời khai của bị hại Vương Ngọc P, Vương T1; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị Kim N, Huỳnh Thị Thùy D, Lê Thị Ngọc N1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Từ Phạm Hải B đã phạm tội «Bắt, Giữ người trái pháp luật» và phạm tội «Cưỡng đoạt tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 157, Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; bị cáo Lê Văn M đã phạm tội «Bắt, giữ người trái pháp luật», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[3.1] Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 19 giờ ngày 30/3/2023, các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M đã có hành vi bắt, giữ người trái pháp luật đối với bà Vương Ngọc P. Mặc dù, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất với nhau về việc bắt, giữ bà P nhưng khi biết bà P đang trốn ở nhà một người bạn (địa chỉ 995/56/12 đường HB, Phường L, Quận F), các bị cáo đã có hành vi đe dọa, khống chế, ép bà P lên xe gắn máy đưa về giữ tại nhà bị cáo B, địa chỉ 122 đường THĐ, Phường N, Quận F để giải quyết việc bà P nợ tiền dù các bị cáo biết rõ các bị cáo không có thẩm quyền bắt người, giữ người. Hành vi của các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm nghiêm trọng đến quyền tự do thân thể, tự do cá nhân của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây dư luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Bắt, giữ người trái pháp luật» thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Ngoài ra, sau khi cùng bị cáo Lê Văn M bắt ép đưa bà Vương Ngọc P về giữ tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F, bị cáo Từ Phạm Hải B không những có hành vi lớn tiếng chửi và dùng nhiều lời lẽ đe dọa bà P mà bị cáo còn gọi điện thoại uy hiếp tinh thần ông Vương T1 (cha bà P), buộc ông T1 phải trả nợ thay cho bà P, nếu không bị cáo sẽ bán bà P ra nước ngoài. Lo sợ con mình gặp nguy hiểm, ông T1 đã phải đưa 3.000.000 đồng trả cho bị cáo. Hành vi của bị cáo Từ Phạm Hải B là nguy hiểm cho xã hội, vì không những xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người có tài sản và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội «Cưỡng đoạt tài sản» thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3.3] Các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo hoàn toàn nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, là thể hiện sự xem thường pháp luật và chính sự xem thường pháp luật này của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Bị cáo Từ Phạm Hải B có nhân thân xấu, đó là ngày 16/01/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giết tài sản». Bị cáo kháng cáo và ngày 07/6/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; ngày 19/3/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Mặc dù lần phạm tội này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt.

[4.2] Bị cáo Lê Văn M có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự).

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đề phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu và các tội phạm về xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo; được bị hại bãi nại, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính

chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5.1] Và xét bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự (thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 01/2018, cấp bậc: Binh nhất, đơn vị: Tiểu đoàn 473, Lữ đoàn 147, Vùng 1 Hải quân), nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo M được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Việc bồi thường thiệt hại:

[7.1] Bị cáo Từ Phạm Hải B đã chiếm đoạt của ông Vương T1 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra, dù đã được nghe giải thích quyền yêu cầu bồi thường, nhưng ông T1 vẫn không yêu cầu bồi thường (theo Biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2024 (BL840)). Xét đây là sự tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận và cũng không buộc bị cáo Từ Phạm Hải B nộp lại số tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Riêng bà Vương Ngọc P không yêu cầu các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M bồi thường (theo Biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2024 (BL840)), do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M và bà Hoàng Thị Kim N dùng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 Plus, số máy: SM-G965F/DS, số seri: R39K205BA4, số Imei: 353511090255943 (thu giữ của bị cáo Từ Phạm Hải B); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XsMax 64Gb, số máy: MT6T2J/A, số seri: F2LXL555KPHQ, số Imei: 357305091555658 (thu giữ của bị cáo Lê Văn M); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng (thu giữ của bà Hoàng Thị Kim N), Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 sim điện thoại số 8401210850987568, số thuê bao 0902611214 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 Plus); 01 sim điện thoại số 8401220624049651, số thuê bao 0788391102 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XsMax); 01 sim điện thoại số 8401210833635626, số thuê bao 0772627082 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với 01 máy laptop hiệu Asus màu hồng, 01 cục sạc và 01 tủ nhựa 05 ngăn hiệu ĐDD màu trắng xanh (chiều cao 110cm, chiều rộng 46cm) thu giữ tại nhà 122 đường THĐ, Phường N, Quận F. Quá trình điều tra, xác định máy laptop và cục sạc là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thùy L (con của bà Hoàng Thị Kim N), không liên quan gì đến vụ án. Còn tủ nhựa là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Ngọc N1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là trả các tài sản trên lại cho bà L, bà N1 theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 12/PNK ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 43/QĐ-VKS-Q6 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 - BL 678, 691, 695)

[8.4] Đối với 01 USB (chứa các file ghi âm có nội dung đe dọa, chửi bới vì không trả nợ theo thỏa thuận) do bà Nguyễn Thị Thu T4 cung cấp và 01 USB (chứa các file dữ liệu ghi lại hình ảnh Từ Phạm Hải B, Lê Văn M bắt giữ bà Vương Ngọc P tại trước nhà số 995/56/12 đường HB, Phường L, Quận F) do bà Vương Ngọc P cung cấp, đều đã được niêm phong, bên ngoài có hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL693), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử.

[8.5] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59U2-500.43 (nhãn hiệu Honda SH màu trắng) mà các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M sử dụng làm phương tiện bắt, ép bà Vương Ngọc P đưa về giữ tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F, bị cáo B khai là xe của bà Hoàng Thị Kim N (vợ bị cáo). Quá trình điều tra, bà N khai chiếc xe này là của bà, nhưng bà đã bán lại cho người khác trước khi chồng bà là bị cáo Từ Phạm Hải B bị bắt, nên Cơ quan điều tra không thu hồi, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với bà Huỳnh Thị Thùy D là người chỉ chỗ bà Vương Ngọc P cho các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M. Quá trình điều tra xác định bà D không biết được mục đích hay có sự bàn bạc từ trước với các bị cáo trong việc bắt ép bà P lên xe gắn máy để đưa về nhà buộc trả nợ, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý.

[10] Đối với hành vi tàng trữ trái phép các loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ của Từ Phạm Hải B. Ngày 24/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 6 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với B về các hành vi này, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Kiến nghị có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt người phạm tội:

[11.1] Ngoài các hành vi như Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo Từ Phạm Hải B còn có hành vi dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Ngọc N1 cản trở nợ, nhưng chưa được xem xét, đánh giá đầy đủ toàn diện, là bỏ lọt tội phạm. Bởi quá trình điều tra cho thấy bị cáo B khi biết bà Nguyễn Thị

Yến T2 đang giữ chiếc tủ nhựa 05 ngăn hiệu ĐDD màu trắng xanh của bà Lê Thị Ngọc N1, bị cáo đã yêu cầu bà T2 đưa chiếc tủ cho bị cáo để bị cáo trừ cho bà N1 300.000 đồng vào số tiền 2.000.000 đồng mà bà N1 còn thiếu bị cáo và bà T2 đã đồng ý giao chiếc tủ cho bị cáo (phù hợp lời khai của bà T2 tại bút lục 254). Sau khi biết bị cáo đang giữ chiếc tủ nhựa của mình để cản trừ nợ, bà N1 đã đến gặp bị cáo xin lại, nhưng bị cáo không những không trả lại chiếc tủ cho bà N1 mà còn chửi mắng, đe dọa và dùng cuốn tập đánh vào mặt bà N1 (lời khai của bị cáo tại các bút lục 119-120, 135-136, 778-779 phù hợp với lời khai của bà N1 tại các bút lục 239-242, 217 và phù hợp với lời khai của Hoàng Thị Kim N tại bút lục 181). Tại phiên tòa, bị cáo Từ Phạm Hải B cũng thừa nhận lấy chiếc tủ để trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bà N1 còn nợ bị cáo, khi bà N1 không đồng ý, bị cáo đã tức giận cầm cuốn tập đang để trên bàn đánh vào mặt bà N1. Hành vi này của bị cáo là có dấu hiệu tội phạm, nhưng chưa được xem xét.

[11.2] Bị cáo Lê Văn M là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Từ Phạm Hải B khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo tuy không trực tiếp đe dọa, không trực tiếp uy hiếp tinh thần ông Vương T1, bà Vương Ngọc P và lúc bị cáo B lấy điện thoại của bị cáo gọi cho ông T1, buộc ông T1 phải trả nợ thay cho bà P, bị cáo cũng không chứng kiến, nhưng bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cùng với bị cáo B bắt ép đưa bà P về giữ tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F là để gây áp lực, buộc bà P phải trả nợ bằng mọi cách. Tại nhà số 122 đường THĐ, Phường N, Quận F, khi nghe bị cáo B lớn tiếng chửi bà P, đe dọa sẽ bán bà P qua Campuchia nếu không trả tiền, bị cáo không những không có hành động ngăn cản mà còn ngồi bên ngoài (ngay trước cửa ra vào) để canh giữ bà P, không cho bà P bỏ trốn (bút lục 851-852, 853-854). Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn M cũng thừa nhận mục đích bị cáo ngồi bên ngoài (ngay trước cửa ra vào) là để canh giữ bà P, sợ bà P bỏ trốn. Cho nên, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của đồng phạm và hậu quả xảy ra tương ứng với tính chất của đồng phạm và tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Từ phân tích trên cho thấy Viện kiểm sát phân hóa hành vi của từng người tham gia để xác định Lê Văn M không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội «Cưỡng đoạt tài sản» với vai trò đồng phạm, là bỏ lọt người phạm tội, bỏ lọt hành vi phạm tội.

[11.3] Đối với bà Hoàng Thị Kim N, khi biết các bà Nguyễn Thị C, Lê Thị Thanh T3 không còn khả năng thanh toán số tiền mà các bà này đã vay của vợ chồng N. N đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa uy hiếp tinh thần buộc các bà này trả nợ. Quá trình điều tra, Hoàng Thị Kim N khai: «... Khi tôi và B đến nhà bà C, địa chỉ 570 đường HB, Phường P, Quận K thì gặp được bà C, tôi hỏi bà C tại sao không trả nợ, bà C nói kẹt tiền không có tiền trả, nên tôi và B tức giận có lớn tiếng chửi bới bà C. Đồng thời, tôi dùng nón bảo hiểm đánh trúng vào đầu bà C, lúc này có người nói sẽ gọi Công an nên tôi và B bỏ về... (bút lục 171-172)»; «... Bà T3 có tên thường gọi là Gái, bà Gái vay số tiền 3.000.000 đồng, vay rất nhiều lần, mỗi ngày góp 150.000 đồng. Trước đây bà Gái buôn bán com tằm trên đường HB, anh B nhiều lần đến gặp bà Gái thu tiền góp. Sau đó, anh B giao M

thu tiền bà Gái và bà Gái bỏ trốn không đóng tiền góp nữa... Khi biết bà Gái đang ở quán cà phê lề đường NNT, nên T2 chở M, anh B chở tôi đến gặp bà Gái. Tại đây, tôi chửi và dùng tay tát vào mặt bà Gái một lần, tôi tiếp tục tát vào mặt bà Gái thêm một lần nữa nhưng bà Gái gạt tay tôi ra và xin anh B và tôi trả tiền gốc một tháng 500.000 đồng, anh B và tôi đồng ý với điều kiện phải có người đứng ra bảo lãnh cho bà Gái. Lúc này chị P1 đi đến đồng ý bảo lãnh cho bà Gái, chúng tôi đi về... (bút lục 175-176)». Lời khai này của Hoàng Thị Kim N là phù hợp với các lời khai của bà Nguyễn Thị C (bút lục 233, 234-235, 236, 237, 674-675); phù hợp với các lời khai của bà Lê Thị Thanh T3 (bút lục 248-249, 250-251, 252, 253) và phù hợp với lời khai của Từ Phạm Hải B (bút lục 119-120, 133-134). Ngoài ra, N còn khai đối với những con nợ không có khả năng đóng tiền thì N cùng với B đến nhà để đòi nợ và lớn tiếng gây áp lực với gia đình con nợ. Đồng thời N nhắn tin, gọi điện thoại hăm dọa các con nợ khi không trả tiền cho N (bút lục 169-170). Hành vi này của N và các đồng phạm là có dấu hiệu tội phạm, nhưng chưa được xem xét.

Do giới hạn của phạm vi truy tố xét xử theo Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án chỉ xét xử đối với những hành vi, tội danh mà Cáo trạng truy tố, nên Hội đồng xét xử kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi của Từ Phạm Hải B, Lê Văn M, Hoàng Thị Kim N và của những người liên quan khác trong vụ án (nếu có) để xử lý theo quy định pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt người phạm tội.

[12] Về án phí: Các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025.

- Xử phạt bị cáo **Từ Phạm Hải B** (Lũ, Lũ Sùng) 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội «Bắt, giữ người trái pháp luật» và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Cưỡng đoạt tài sản». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn M** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội «Bắt, giữ người trái pháp luật». Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2023.

Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi của Từ Phạm Hải B, Lê Văn M, Hoàng Thị Kim N và những người liên quan khác trong vụ án (nếu có) để xử lý theo quy định pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt người phạm tội.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 Plus, số máy: SM-G965F/DS, số seri: R39K205BA4, số Imei: 353511090255943; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XsMax 64Gb, số máy: MT6T2J/A, số seri: F2LXL555KPHQ, số Imei: 357305091555658; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại số 8401210850987568 (số thuê bao 0902611214); 01 (một) sim điện thoại số 8401220624049651 (số thuê bao 0788391102); 01 (một) sim điện thoại số 8401210833635626 (số thuê bao 0772627082).

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Trả lại bà Nguyễn Thị Thùy L 01 (một) máy laptop hiệu Asus màu hồng và 01 (một) cục sạc.

Trả lại bà Lê Thị Ngọc N1 01 (một) tủ nhựa năm ngăn hiệu ĐDD màu trắng xanh, chiều cao 110cm, chiều rộng 46cm.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 695)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Từ Phạm Hải B, Lê Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Vương Ngọc P, Vương T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Tổ địa bàn 6);
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên